TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2023/DSST
Ngày 28 tháng 6 năm 2023
(V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm bao gồm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Hùng - Ông Ngô Trọng Thế .

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng, thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Tình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/5/2023 đến ngày 28/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST-DS ngày 05/10/2022 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ người chết để lại " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXX-ST, ngày 15/3/2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2003/QĐHPT ngày 30/3/2023,giữa các đương sự.

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: khối D (khối A cũ), thị Trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn**: +/Ông Thái Văn T1, sinh năm 1970.(Có mặt)

Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** :

- Chị Thái Thị Vân A, sinh năm 1993 (con đẻ ông T1, bà L) - Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Xóm M, xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Chị Thái Thị Phương A1, sinh năm 1995 (con đẻ ông T1, bà L)

Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Cháu Thái Tùng Q, sinh ngày 03/8/2012, cháu Thái Nguyễn Tùng B, sinh ngày 10/10/2014 (con đẻ ông T1, bà L); Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do).

Người giám hộ cho cháu Thái Tùng Q,cháu T2 Nguyễn Tùng B: Ông Thái Văn T1, sinh năm 1970 (Bố đẻ); Địa chỉ: xóm B, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- Bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1949 (mẹ đẻ bà L, bố bà L đã chết)

Địa chỉ: xóm F, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình viết bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà Nguyễn Thị L1, vợ ông Thái Văn T1 công tác tại Thủy lợi B1 cùng nơi công tác với vợ ông Nguyễn Văn T. Do có mối quan hệ này, nên từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 vợ chồng bà Nguyễn Thị L1 (đã chết), ông Thái Văn T1 đã đến nhà vay của ông Nguyễn Văn T 02 lần tiền cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 11/6/2019 ông T1, bà L1 vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ông T1, bà L1 viết giấy vay nợ ký nhận nợ.

Lần thứ hai: Sáng ngày 26/9/2019 ông T1, bà L1 đến nhà ông Nguyễn Văn T vay số tiền 400.000.000 đ (bốn trăm triệu đồng) đã viết giấy vay nợ,ký nhận nợ.Chiều ngày 26/9/2019 vợ chồng ông T1 tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đ(Một trăm triệu đồng). Do buổi sáng ngày 26/9/2019 vợ chồng ông T1 đã viết giấy vay nợ, phía dưới giấy vay nợ còn trống nên ông T tự tay mình viết dưới giấy vay nợ ngày 26/9/2019 với nội dung "*Tối ngày 26/9/2019 L1 lấy tiếp 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), tổng là : 500.000.000đ*".

Theo ông T lãi suất của các khoản tiền vay hai bên thỏa thuận ngoài là 1% tháng không ghi vào giấy vay tiền; Giấy vay tiền ngày 11/6/2019 không xác định ngày trả nợ; Giấy vay nợ ngày 26/9/2019 xác định ngày trả nợ là ông T cần lấy tiền thì thông báo cho bà L1, ông T1 trước một tuần. Tháng 10 năm 2020 ông T đã thông báo cho vợ chồng ông T1, bà L1 trả nợ để mua ô tô. Bà L1 vợ ông T1 xin khất nợ ông T một thời gian, đến ngày 09/8/2021 thì bà L1 chết đuối (tự tử). Sau khi bà L1 chết thì ông T1 chồng bà Nguyễn Thị L1 đã gọi ông T đến nhà ông T1 để giải quyết khoản nợ do vợ chồng ông T1 vay của ông T. Do ông T1 chỉ thống nhất trả cho ông T mỗi tháng 3.500.000 đ cho đến lúc trả xong nợ, ông T không đồng ý. Do đó ông T đã khởi kiện đến TAND huyện Yên Thành giải quyết. Hòa giải viên đã hòa giải, ông T1 giữ nguyên quan điểm mỗi tháng chỉ trả được cho ông Nguyễn Văn T 3.500.000 đ /tháng, ông T không đồng ý, kết quả hòa giải không thành, hòa giải viên đã chuyển hồ sơ cho TAND huyện Yên Thành thụ lý giải quyết theo qui định.

Bước đầu ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Thái Văn T1 phải có nghĩa vụ trả nợ, thực hiện nghĩa vụ người chết để lại với tổng số tiền gốc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi suất 1% /tháng kể từ tháng 7/2021 (Lãi suất từ tháng 7/2021 trở về trước đã được bà L1 vợ ông T1 thanh toán) cho đến nay, vì hiện nay ông T1 là bị đơn, đồng thời là người đang quản lý tài sản của bà L1 (đã chết).Tại phiên tòa bị đơn ông Thái V không thừa nhận vay ông T số tiền 100.000.000 đồng vào tối ngày 26/9/2019 vì chữ viết "*Tối ngày*

26/9/2019 L1 lấy tiếp 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), tổng là : 500.000.000đ" không phải bút tích của vợ chồng ông T1, ông T1 chỉ thừa nhận vay 400.000.000 đồng vào buổi sáng. Do ông T1 không thừa nhận, ông T không chứng minh được nên ông T đã rút yêu cầu buộc ông T1 trả nợ số tiền 100.000.000 đồng vay buổi tối ngày 26/9/2016. Ông T chỉ yêu cầu tòa án xen xét buộc ông Thái Văn T1 trả số tiền gốc hai lần vay với số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi suất 1% tháng tính từ tháng 7/2021 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải cho bị đơn ông Thái T1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L1 (đã chết) nhưng những người này không chấp hành, hợp để giải quyết tranh chấp.Tòa án đã kết hợp với Công an xã C, huyện Y đến trực tiếp nhà ông Thái V để lấy lời khai của ông T1 làm rõ khoản nợ vợ chồng ông T1 nợ ông T.Tại biên bản lấy lời khai ông T1 thừa nhận:Ngày 11/6/2019 vợ chồng ông vay ông T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);Sáng ngày 26/9/2019 vợ chồng ông T1 vay ông T số tiền 400.000.000đ, buổi tối tiếp tục vay 100.000.000 đ.Theo ông T1, thời hạn vay những khoản tiền vay trên là 01 tháng kể từ ngày 26/9/2019, lãi suất 3.500 đ/1.000.000đ/ ngày với tổng số tiền lãi phải trả 01 tháng cho ông T là 21.000.000 đồng.Theo ông T1 tiền gốc, tiền lãi ông T1 đã giao trách nhiệm cho bà Nguyễn Thị L1 trả cho ông T trước lúc bà L1 chết. Do bà L1 vợ ông chết đột ngột, nên ông T1 không biết bà L1 đã trả nợ cho ông T những khoản nợ trên hay chưa. Ông T1 cũng thừa nhận sau khi bà L1 chết ông có gọi ông T đến nhà ông để làm rõ việc thanh toán nợ đối với nhau. Gặp nhau thì ông T nói với ông T1 số tiền vợ chồng ông vay của ông T bà L1 chưa thanh toán cho ông T, ông T1 hứa với ông T là sẽ thanh toán cho ông T mỗi tháng 3.500.000 đồng cho đến lúc hết nợ, nhưng ông T không đồng ý. Sau khi trực tiếp xem những giấy vay nợ, tại phiên tòa ông T1 cho rằng khoản nợ vay 100.000.000 đ vay ngày 11/6/2019 chữ ký " Tám" chữ viết " Thái Văn T1" ghi dưới giấy vay nợ không phải chữ viết chữ ký của ông, ông đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết chữ ký ghi dưới giấy vay nợ để chứng minh ngày 11/6/2019 vợ chồng ông không vay tiền ông T số tiền 100.000.000 đ. Ngoài ra ông T1 cũng cho rằng chữa viết thêm dưới giấy vay nợ ngày 26/9/2019 với nội dung "*Tối ngày 26/9/2019 L1 lấy tiếp 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), tổng là : 500.000.000đ*" không phải của vợ chồng ông viết,nên ông T đã rút yêu cầu yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 100.000.000 đ vay vào tối ngày 29/6/2019.

Theo đề nghị của ông T1 và đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phien tòa để làm thủ tục trưng cầu giám định. Ông T1 đã viết đơn đề nghị trưng cầu giam định và thống nhất lấy mẫu so sánh giám định, Tòa án đã thông báo cho ông T1 nộp tiền tạm ứng chi phí giám định. Hết thời gian ông T1 không nộp tạm ứng chi phí giám. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục mở lại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Sau khi phiên tòa được mở lại ông T1 đã thừa nhận hiện nay vợ chồng đang nợ tiền gốc của ông T 500.000.000 đ và tiền lãi. Ông chấp nhận trả nợ cho ông T số nợ gốc, tiền lãi với điều kiện là ông phải trả xong các khoản nợ mà vợ chồng ông đang nợ tại các Ngân hàng rồi mới đến lượt trả cho ông T.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án nội dung vụ án như sau**:**

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ đúng qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS;Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 của BLTTDS.Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ và lấy lời khai đương sự theo qui định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Hòa giải theo qui định tại Điều 205 của BLTTDS.Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án đã để án quá hạn. Đã chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS.Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 243; 250; 251; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự:Nguyên đơn chấp hành pháp luật tố tụng dân sự qui định tại Điều 70; Điều 71 của BLTTDS

Bị đơn,người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quyền và nghĩa vụ qui định tại điều 70 72 và Điều 73 của BLTTDS.

-Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 91 khoản 2 Điều 184; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

Căn cứ Điều 429; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 612; khoản 2 Điều 615 của BLDS và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị xử:

- Đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc ông T1 thanh toán số tiền vay 100.000.000 đ vay vào tối ngày 26/9/2019.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Nguyễn Văn T về tranh Hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại đối với ông Thái Văn T1.

Buộc: Ông Thái Văn T1 phải có nghĩa vụ trả nợ, thực hiện nghĩa vụ người chết để lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền gốc 500.000.000 đ và tiền lãi suất.

Buộc: Ông Thái Văn T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền chi phí định giá tài sản số tiền 2.000.000 đồng

-Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Thái Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ người chết để lại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trước lúc khởi kiện ông Nguyễn Văn T đã thông báo cho ông T1, bà L1 thanh toán nợ lúc bà L1 còn sống. Sau khi bà L1 chết nguyên đơn đã yêu cầu Văn phòng T4 lập Vi bằng thông báo, yêu cầu ông T1 thanh toán nợ.Tài liệu này được nguyên đơn giao nộp trong quá trình khởi kiện được lưu tại hồ sơ vụ án. Điều kiện khởi kiện, thời hiệu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết của ông Nguyễn Văn T đối với ông Thái Văn T1 được đảm bảo, đúng qui định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại Tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành, không hợp tác, cố tình vắng mặt.Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, Giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn ông Thái Văn T1 có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thuộc thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L1 (đã chết) vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian tiếp tục xét xử vụ án.Tòa án tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai đối với các đương sự.Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, đồng bị đơn ông Thái Văn T1 có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Quá trình nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ do ông Nguyễn Văn T cung cấp giao nộp, các chứng cứ tài liệu doTòa án thu thập trước lúc đưa vụ án ra xét xử xét xử. Tài liệu, chứng cứ được thu thập là cơ sở pháp lý, đã được thẩm tra tại phiên tòa một cách khách quan toàn diện, đã có cơ sở kết luận rằng: Ngày 11/6/2019 vợ chồng ông Thái V, bà Nguyễn Thị L1 đã vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 26/9/2019 vợ chồng ông T1 tiếp tục vay ông T số tiền 400.000.000 đ.Việc vay tiền đã được chứng minh tại giấy vay nợ ngày 11/6/2019 và Giấy vay nợ ngày 26/9/2019 có chữ ký, bút tích của vợ chồng ông T1 thể hiện trong giấy vay nợ.

Quá trình Tòa án tiến hành lấy lời khai trước sự chứng kiến của Công an xã C, huyện Y ông T1 thừa nhận đã vay của ông T tổng số tiền gốc là 600.000.000 đ (ngày 11/6/2019 vay 100.000.000 đ; sáng ngày 26/9/2019 vay 400.000.000 đ và chiều ngày 26/9/2019 vay tiếp 100.000.000 đ).Tại phiên tòa ông Thái Văn T1 không thừa khoản nợ vay vào tối 26/9/2019 vì lý do dòng chữ tại viết dưới Giấy vay nợ ngày 26/9/2019 với nội dung "*Tối ngày 26/9/2019 L1 lấy tiếp 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng), tổng là : 500.000.000đ*" không phải chữ của vợ chồng ông T1. Nguyên đơn đã lý giải phân tích lý do tại sao lại có dòng chữ đó nhưng không được ông T1 chấp nhận, nên nguyên đơn đã rút yêu cầu buộc ông T1 trả số tiền vay tối ngày 26/9/2019. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần khởi kiện của ông T đối với số tiền gốc 100.000.000 đ vay vào tối ngày 26/9/2019, chỉ xem xét giải quyết số nợ gốc 500.000.000 đ của hai lần vay và buộc trả lãi của số tiền gốc theo qui định của pháp luật.

Đối với lãi suất đang tranh chấp và được thanh toán: Bị đơn ông Thái văn T3 trình bày đã thanh toán cho ông T tiền lãi 21.000.000đ của số tiền gốc vay trong vòng 01 tháng với lãi suất 3500đ/1.000.000 đ/ ngày, không được ông T thừa nhận, bị đơn không chứng minh được nên không có căn cứ để xem xét. Nguyên đơn thừa nhận lúc còn sống bà L1 đã thanh toán lãi suất 1% tháng đến tháng 6/2021 là 21 tháng, mỗi tháng 6.000.000 đồng tính từ ngày 29/6/2029 đến tháng 6/2021 (600.000.000 đ x 21 tháng) = 126.000.000 đ. Lãi suất bà L1 đã thanh toán cho ông T là phù hợp với pháp luật, các bên không tranh chấp, nên Hội đồng không xem xét khoản lãi bà L1, ông T3 đã thanh toán trước đây cho ông T.

Do các bên không thống nhất với nhau về lãi suất phải thanh toán tiếp theo, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 của BLDS để tính lãi suất đối với khoản vay 500.000.000 đ, kể từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2023(tháng xét xử) là 24 tháng với công thức tính như sau: 500.000.000 đ x 24 tháng x 0,833% tháng = 99.960.000 đồng.

Đây khoản tiền lãi của khoản vay 500.000.000 đồng do ông T3, bà L1 vay của ông T trong thời kỳ hôn nhân, nên vợ chồng ông T3 phải liên đới cùng nhau thanh toán cho ông T khoản nợ gốc, nợ lãi. Do bà Nguyễn Thị L1 hiện nay đã chết, ông T3 là người đang quản lý tài sản chung của bà L1, ông T3 trong thời kỳ hôn nhân gồm: Quyền sử dụng đất đai ở xã K; quyền sử dụng đất đai, nhà ở tại xã C đã được Tòa án xác minh; Quyền sử dụng đất đai ở xã L huyện Y, tỉnh Nghệ An đối với thửa đất 1526, tờ bản đồ số 11; Diện tích: 348m^2; Địa chỉ thửa đất: xóm A, xã L, huyện Y đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/10/2010 mang tên ông Thái Văn T1 và bà Nguyễn Thị L1, trên thửa đất là hệ thống hàng rào xây táp lô xây nghiêng ba trên đất đã được Hội đồng định giá xác định như sau: Đất ở 348m^2 x 2.000.000 đ/m^2 = 696.000.000 đ; Hệ thống hàng rào xây táp lô xây ba mặt là 78,78m^2 x 150.000 đ/m^2 = 11.817.000đ. Nên cần buộc ông T1 phải chịu trách nhiệm thanh toán số nợ gốc, số nợ lãi được tính toán nêu trên cho ông Nguyễn Văn T, trong đó nghĩa vụ của ông T1 là 250.000.000 đ tiền gốc và

½ tiền lãi suất và nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị L1 là 250.000.000 đ tiền gốc và ½ tiền lãi suất .

[5] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L1 (đã chết) không quản lý tài sản chung của ông T1, bà L1, họ cũng không khởi kiện yêu cầu độc lập yêu cầu chia thừa kế di sản bà L1 chết để lại, nên không buộc họ phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông T.

[6]Xử lý tiền chi phí định giá để xác định nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đã nộp 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí định gía tài sản. Số tiền ông T đã nộp đã được Tòa án chi phí hết trong quá trình định giá tài sản. Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận, nên buộc ông Thái Văn T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền chi phí định giá tài sản số tiền 2.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn T được chấp nên không phải chịu án phí dân sự sơn thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Thái Văn T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 91 khoản 2 Điều 184; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

Căn cứ Điều 429; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 612; khoản 2 Điều 615của BLDS và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Buộc ông Thái Văn T1 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ, thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị L1 đã chết để lại cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 599.960.000 đ (Bằng chữ: *Năm trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tiền gốc 500.000.000đ (Bằng chữ: N*ăm trăm triệu đồng),* tiền lãi là 99.960.000 đ (Bằng chữ: *Chín mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn*) tiền lãi. Trong đó nghĩa vụ của ông Thái Văn T1 là 250.000.000 đồng tiền gốc, 49.980.000 đồng tiền lãi suất, nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L1 đã chết là 250.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi suất là 49.980.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền người thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sư năm 2015.

-Căn cứ Điều 164; Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Buộc: Ông Thái Văn T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền chi phí định giá tài sản 2.000.000 đ (Bằng chữ: *Hai triệu đồng*)

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của BLTTDS; Điều 26 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Thái Văn T1 phải nộp 27.998.000đ (Hai mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại tiền tạm ứng án phí số tiền 14.000.000đ (Bằng chữ: *Mười bốn triệu đồng)* cho ông Nguyễn Văn T theo biên lai nộp tiền số:0012130 ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn,bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án
- TAND tỉnh Nghệ An
- Các đương sự.
- Lưu VP TA

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc